

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**THÔNG TƯ**  
**Quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro  
trong khai thác khoáng sản**

Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 26/2026/TT-BCT ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

*Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.<sup>1</sup>*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết về lập, thẩm quyền phê duyệt, thời điểm phê

<sup>1</sup> Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/2026/NQ-CP của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương."*

duyet, hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt và gửi kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước liên quan đến lập và phê duyệt kế hoạch rủi ro trong khai thác khoáng sản nhóm I bằng phương pháp lộ thiên; khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp lộ thiên có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp hầm lò trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Rủi ro trong khai thác khoáng sản là khả năng gặp những nguy cơ tiềm ẩn gây ra sự cố, tai nạn, thương tích, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại về tài sản, ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản.

2. Quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản là việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý nhằm đảm bảo tất cả rủi ro được xác định, phân tích, đánh giá, xử lý đối với tất cả các công trình, máy, thiết bị, dây chuyền, quá trình công nghệ và trong tất cả các giai đoạn hoạt động khai thác khoáng sản.

3. Đánh giá rủi ro trong khai thác khoáng sản là việc phân tích, nhận diện nguy cơ và các yếu tố nguy hiểm, có hại nhằm chủ động phòng ngừa sự cố, tai nạn trong khai thác khoáng sản.

4. Đánh giá mức độ rủi ro là đánh giá các mối nguy hiểm đã được xác định căn cứ vào khả năng xảy ra và hậu quả của mối nguy hiểm.

5. Ứng cứu khẩn cấp trong khai thác khoáng sản là hệ thống các hoạt động theo một quy trình định sẵn bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả trong những tình huống khẩn cấp do sự cố, tai nạn gây ra trong khai thác khoáng sản.

6. Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản là hoạt động xây dựng hệ thống các quy định, quy trình nhằm tìm ra các mối nguy hiểm có thể xảy ra để phòng ngừa, ứng phó và khắc phục, giảm thiểu tối đa những rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình khai thác khoáng sản, bao gồm báo cáo quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro và kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

7. Công trình hầm lò là hệ thống đường lò, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống vận tải, hệ thống thông gió trong hầm lò và các công trình khác trong hầm lò phục vụ cho công tác khai thác khoáng sản.

8. Công trình mỏ lộ thiên là các công trình khai đào nằm trong biên giới mỏ lộ thiên.

## Chương II

# LẬP VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

### **Điều 4. Lập kế hoạch quản lý rủi ro**

1. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I bằng phương pháp lộ thiên; Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp lộ thiên có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp hầm lò phải lập kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản theo các nội dung quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản có thể được lồng ghép, tích hợp với đánh giá rủi ro, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp khác theo pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro**

1. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I bằng phương pháp lộ thiên; Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp lộ thiên có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp tự phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản trước khi thi công công trình mỏ lộ thiên đối với dự án đầu tư khai thác mới; tự phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 đối với dự án đầu tư khai thác đang trong quá trình thi công công trình mỏ lộ thiên hoặc đã đi vào vận hành.

2. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp hầm lò lập kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, như sau:

a) Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật Địa chất và khoáng sản, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 10 Thông tư này phê duyệt;

b) Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Luật Địa chất và khoáng sản, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Thông tư này phê duyệt.

### **Điều 6. Thời điểm phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro bằng phương pháp hầm lò**

Thời điểm phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò, quy định như sau:

1. Đối với dự án đầu tư khai thác mới, phải được phê duyệt chậm nhất 07

ngày làm việc trước khi thi công và trước khi đưa công trình hầm lò vào sử dụng;

2. Đối với dự án đầu tư khai thác đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở, phải được phê duyệt chậm nhất 07 ngày làm việc trước khi đưa công trình vào sử dụng;

3. Đối với dự án đầu tư khai thác đã đi vào vận hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, phải được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2027.

**Điều 7. Hồ sơ, trình tự, thủ tục phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò**

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro bao gồm:

a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Kế hoạch quản lý rủi ro theo Mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II, nhóm III, nhóm IV bằng phương pháp hầm lò gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này tới cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư này bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi trực tiếp;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Gửi qua hệ thống phần mềm giải quyết thủ tục hành chính quốc gia hoặc của cơ quan có thẩm quyền;

d) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.<sup>2</sup> Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 8. Gửi kế hoạch quản lý rủi ro**

Doanh nghiệp khai thác khoáng sản có trách nhiệm gửi kế hoạch quản lý

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026.

rủi ro được phê duyệt cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để theo dõi, quản lý trên địa bàn.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM THI HÀNH**

### **Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác khoáng sản**

1. Tuân thủ các quy định của Thông tư này và pháp luật khác có liên quan.  
2. Tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung của kế hoạch quản lý rủi ro được phê duyệt.

3. Định kỳ hàng năm cập nhật kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản và cập nhật khi có sự thay đổi: Mục tiêu, chính sách về an toàn; tổ chức về công tác an toàn; danh mục máy, thiết bị, phương tiện, vật tư và hóa chất; công nghệ, tổ chức sản xuất; sau khi xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; sơ đồ tổ chức, phân định trách nhiệm, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn; địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp**

1. Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

2. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định trong việc lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

3. Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

### **Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền.

2. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định trong việc lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền.

3. Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản.

**Điều 12. Điều khoản thi hành<sup>3</sup>**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Bãi bỏ cụm từ “công nghiệp khai thác mỏ và” tại Điều 1 Thông tư số 43/2010/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định công tác quản lý an toàn trong ngành Công thương.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) để được hướng dẫn, giải quyết.

**BỘ CÔNG THƯƠNG****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Số: **38** /VBHN-BCTHà Nội, ngày **26** tháng **5** năm 2026**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Báo Công Thương (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về PL);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Trương Thanh Hoài**

<sup>3</sup> Điều 27, Điều 28 của Thông tư số 26/2026/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 quy định như sau:

**“Điều 27. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày **29 tháng 5 năm 2026** trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.
2. Quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
3. Quy định về thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các giấy phép trong lĩnh vực quá cảnh quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.
4. Quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Thông tư này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và theo quy định tại khoản 11 Điều 68 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

**Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.
2. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền./”

**Phụ lục I**  
**KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO**  
**TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**PHẦN I. KHÁI QUÁT CHUNG**

1. Tên chủ đầu tư.
2. Địa chỉ liên lạc.
3. Điện thoại: \_\_\_\_\_, Fax: \_\_\_\_\_
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
5. Giấy phép khai thác khoáng sản.
6. Địa chỉ khu vực khai thác.
7. Giám đốc điều hành mỏ.

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án, phương pháp khai thác, công suất.
2. Vị trí công trình, dự án, bản đồ địa hình, điều kiện tự nhiên liên quan đến an toàn, môi trường.
3. Vị trí các tòa nhà, công trình tiện ích, dịch vụ, hệ thống an toàn và phòng cháy chữa cháy, vị trí của đội ứng cứu khẩn cấp bán chuyên trách.
4. Công nghệ thi công, khai thác.
5. Dây chuyền công nghệ của các khâu chính trong hoạt động khai thác khoáng sản.
6. Thông tin về nhân sự làm việc cho dự án: Số lượng, phân bố nhân sự tại các khu vực.

**PHẦN III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO**

**Chương 1. Báo cáo quản lý an toàn của doanh nghiệp**

1. Quy định về mục tiêu, chính sách an toàn và xử lý vi phạm về an toàn phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Sơ đồ tổ chức về công tác an toàn theo quy định của pháp luật.
3. Quy định về kiểm tra an toàn.
4. Quy định an toàn cụ thể cho từng dây chuyền, máy, thiết bị, phương tiện, vật tư, hoá chất sử dụng.
5. Quy trình vận hành, bảo dưỡng cho dây chuyền, máy, thiết bị, phương tiện, công trình.

6. Các biện pháp về kỹ thuật an toàn, phòng chống cháy nổ.

7. 01 (một) biên bản kiểm tra của doanh nghiệp về kỹ thuật an toàn theo từng chuyên ngành khai thác, cơ điện và vận tải, thông gió (đối với mỏ hầm lò), thoát nước, môi trường.

8. Sổ kiến nghị về an toàn.

9. Danh mục máy, thiết bị, phương tiện, vật tư và hóa chất.

10. Danh mục đầu tư trang thiết bị bảo đảm công tác an toàn.

11. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn được áp dụng trong doanh nghiệp.

12. Hồ sơ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp của nhân sự quản lý, điều hành sản xuất.

13. Hồ sơ theo dõi, điều tra, đánh giá, khắc phục tai nạn, sự cố, thiệt hại về tài sản.

14. Đánh giá sự tuân thủ pháp luật về an toàn, môi trường.

\* *Ghi chú: Đối với dự án đầu tư khai thác mới, doanh nghiệp chỉ cần xây dựng nội dung quy định tại mục 7 là mẫu biên bản; mục 13 là mẫu hồ sơ theo dõi để doanh nghiệp sử dụng khi triển khai thi công công trình.*

## **Chương 2. Báo cáo đánh giá rủi ro của doanh nghiệp**

**1. Phạm vi công việc:** Đánh giá rủi ro và đề xuất các biện pháp để loại trừ, giảm thiểu tai nạn, sự cố cho tất cả các vị trí hoạt động sản xuất.

### **2. Xác định mối nguy**

Xác định tất cả các loại mối nguy hiểm, có hại là nguồn gốc và nguyên nhân gây ra sự cố, tai nạn và hậu quả do sự cố, tai nạn có thể gây ra đối với con người, công trình, phát tán ra môi trường.

Các nội dung cần phải xem xét đến khi xác định mối nguy gồm:

- a) Các hoạt động thường xuyên và không thường xuyên;
- b) Các hoạt động của những người có khả năng tiếp cận đến khu vực đang khai thác khoáng sản;
- c) Các hành vi, khả năng và các nhân tố liên quan đến con người khác;
- d) Xác định các mối nguy bắt nguồn từ bên ngoài nơi làm việc mà có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, an toàn của những người chịu ảnh hưởng kiểm soát của tổ chức trong phạm vi nơi làm việc;
- đ) Các mối nguy do hoạt động dưới sự kiểm soát của doanh nghiệp tạo ra trong vùng lân cận của nơi làm việc;
- e) Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và vật liệu tại nơi làm việc;
- g) Bố trí khu vực làm việc, lắp đặt máy, thiết bị, các thủ tục nội bộ của

doanh nghiệp để điều hành và tổ chức công việc.

### 3. Đánh giá rủi ro

a) Xác định các giải pháp kiểm soát các mối nguy hiểm có sẵn

- Các giải pháp phải là giải pháp đã được thực hiện trong thực tế, đã được ban hành trong nội quy, quy trình, quy định về an toàn, phiếu công tác, không phải là giải pháp đặt ra trong quá trình đánh giá.

- Yêu cầu các giải pháp kiểm soát mối nguy hiểm có sẵn phải được liệt kê: Ngắn gọn, chính xác, đầy đủ và cụ thể. Xem xét hiệu quả của các giải pháp có sẵn trong thực tế.

b) Đánh giá hậu quả của mối nguy hiểm (hay cấp độ) đã được xác định

Hậu quả của mối nguy hiểm là mức độ của chấn thương hoặc thiệt hại gây ra bởi tai nạn hoặc sự cố, ốm đau từ mối nguy hiểm tại nơi làm việc. Hậu quả có thể được chia làm nhiều loại khác nhau dựa trên mức độ sự cố, thương tật. Ví dụ:

Cấp độ	Mô tả
Nhẹ	Không chấn thương, chấn thương hoặc ốm đau chỉ yêu cầu sơ cứu (bao gồm các vết đứt và trầy xước nhỏ, sưng tấy, ốm đau với lo lắng tạm thời)
Trung bình	Chấn thương yêu cầu điều trị y tế hoặc ốm đau dẫn đến ốm yếu tàn tật (bao gồm vết rách, bong, bong gân, gãy nhỏ, viêm da, điếc, ...)
Nặng	Chết người, chấn thương trầm trọng hoặc bệnh nghề nghiệp có thể làm chết người (bao gồm cụt chân tay, gãy xương lớn, đa chấn thương, ung thư nghề nghiệp, nhiễm độc cấp tính và chết người)

Hoặc chia thành 5 cấp độ như bảng sau đây:

Cấp độ	Mô tả	Diễn giải
A (5)	Thảm khốc	Tử vong
B (4)	Cao	Thương tật nghiêm trọng vĩnh viễn
C (3)	Trung bình	Cần điều trị y tế, mất ngày công
D (2)	Nhẹ	Điều trị y tế (có thể quay lại làm việc)
E (1)	Không đáng kể	Điều trị sơ cứu (có thể quay lại làm việc)

c) Xác định khả năng xảy ra (hay tần suất) của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mối nguy hiểm

Bên cạnh việc xác định hậu quả có thể xảy ra đối với mỗi mối nguy hiểm,

cần thiết phải xác định khả năng xảy ra của tai nạn, sự cố hoặc ốm đau phát sinh từ mỗi nguy hiểm.

Ví dụ tại bảng sau, việc xác định khả năng xảy ra được chia làm 3 mức: hiếm khi, thỉnh thoảng, thường xuyên.

<b>Tần suất</b>	<b>Mô tả</b>
Hiếm khi	Ít có khả năng xảy ra
Thỉnh thoảng	Có thể hoặc đã biết xảy ra
Thường xuyên	Xảy ra thông thường hoặc lặp lại

Hoặc có thể chia làm 5 cấp độ như bảng sau đây:

<b>Tần suất</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Diễn giải</b>
Gần như chắc chắn	Sẽ xảy ra ít nhất một lần trong năm	Khả năng thường xuyên xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc rất thường xuyên xảy ra trong hoạt động với số lượng lớn của các thành phần tương tự
Có khả năng xảy ra	Một lần trong 5 năm	Khả năng xảy ra vài lần trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống trong hoạt động với số lớn của các thành phần tương tự. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/500 người thực hiện công việc.
Có thể xảy ra	Một lần trong 10 năm	Khả năng đôi khi xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc được trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời với số lượng lớn các thành phần tương tự Hoặc xảy ra với xác suất 1/ 50 000 lần thực hiện công việc. Hoặc xảy ra với xác suất 1/5000 người thực hiện công việc.
Ít khi xảy ra	Một lần trong 15 năm	Đôi khi có thể xảy ra trong vòng đời của một cá nhân hoặc hệ thống hoặc trông đợi xảy ra một cách hợp lý trong đời của một



<b>Hiếm khi xảy ra (1)</b>	5	4	3	2	1	Rủi ro thấp (1÷4)
<b>Ít khi xảy ra (2)</b>	10	8	6	4	2	Rủi ro trung bình (5÷9)
<b>Có thể xảy ra (3)</b>	15	12	9	6	3	Rủi ro cao (10÷16)
<b>Có khả năng xảy ra (4)</b>	20	16	12	8	4	Rủi ro cực cao (17÷25)
<b>Gần như chắc chắn (5)</b>	25	20	15	10	5	

- Vùng màu xanh dương (từ 1 đến 4) là vùng rủi ro thấp - chấp nhận rộng rãi. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu xanh lá (từ 5 đến 9) là vùng rủi ro trung bình - chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này, các biện pháp giảm rủi ro hiện hữu đã đầy đủ, cho phép tiếp tục hoạt động và không cần phải đưa ra bất kỳ biện pháp bổ sung nào.

- Vùng màu vàng (từ 10 đến 16) là vùng rủi ro cao phải được giảm thiểu xuống mức thấp nhất phù hợp thực tế. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này cần cân nhắc giảm rủi ro tới một mức mà nếu áp dụng thêm các biện pháp giảm rủi ro thì sẽ không hiệu quả hoặc thiếu thực tế.

- Vùng màu đỏ (từ 17 đến 25) là vùng rủi ro cực cao - không chấp nhận được. Nếu rủi ro ước tính vào vùng này thì phải dừng hoạt động và áp dụng bổ sung các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

#### **4. Giải pháp kiểm soát rủi ro**

Các biện pháp kiểm soát rủi ro phải được bắt đầu với mục tiêu loại trừ hoàn toàn rủi ro. Nếu điều này không thể đạt được, thì quá trình giảm thiểu phải được thực hiện theo một thứ tự nhằm giảm thiểu rủi ro tới mức độ thấp nhất có thể được. Các biện pháp kiểm soát được xem xét theo thứ tự ưu tiên bao gồm:

- a) Loại bỏ từ nguồn;
- b) Thay thế;
- c) Giảm thiểu rủi ro;
- d) Kiểm soát có quy trình và năng lực nhân viên;
- đ) Kiểm soát hành chính;

e) Kế hoạch và năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp, biện pháp kiểm soát khi có sự cố.

## **5. Kết luận và kiến nghị**

### **Chương 3. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp**

Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải phù hợp với hệ thống ứng cứu khẩn cấp quốc gia. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, bao gồm:

1. Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, hệ thống báo cáo khi xảy ra tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm.
2. Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan.
3. Danh sách ban chỉ huy ứng cứu khẩn cấp và danh sách đội ứng cứu khẩn cấp của doanh nghiệp.
4. Danh mục máy, thiết bị, phương tiện sử dụng trong hoạt động ứng cứu khẩn cấp.
5. Nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu có hiệu quả các tình huống khẩn cấp.
6. Các tình huống giả định ứng cứu khẩn cấp trong khai thác khoáng sản.
7. Kế hoạch huấn luyện và diễn tập ứng cứu khẩn cấp cho một tình huống giả định.
8. Đánh giá kết quả luyện tập và diễn tập xử lý tình huống giả định.
9. Kế hoạch khôi phục hoạt động của cơ sở sau khi khắc phục sự cố bao gồm công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả để nâng cao mức an toàn.

### **PHẦN IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

1. Kết luận.
2. Kiến nghị.

**Phụ lục II**  
**CÁC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-BCT ngày tháng năm 2025 của  
Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Mẫu số 01	Công văn đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò

Mẫu số 01

.....<sup>(1)</sup>.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số:.....

V/v phê duyệt kế hoạch quản  
lý rủi ro trong khai thác  
khoáng sản bằng phương pháp  
hầm lò

Kính gửi: .....<sup>(2)</sup>.....Tên tổ chức, doanh nghiệp khai thác khoáng sản: .....<sup>(1)</sup>.....Nơi đặt trụ sở chính: .....<sup>(3)</sup>.....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Thực hiện Thông tư số ...../2025/TT-BCT ngày.....tháng.....năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò.

Đề nghị ...<sup>(2)</sup>... phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò cho .....<sup>(4)</sup>.....

*Hồ sơ gửi kèm theo: Kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của doanh nghiệp.*

...<sup>(3)</sup>..., ngày ... tháng...năm .....<sup>(5)</sup>...

(Chữ ký, dấu)

**Nguyễn Văn A****Chú thích:**

- (1) Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);
- (2) Tên cơ quan phê duyệt (Ví dụ: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp);
- (3) Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp;
- (4) Dự án;
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 02

.....<sup>(1)</sup>.....  
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....<sup>(3)</sup>..., ngày ... tháng ... năm 20..**QUYẾT ĐỊNH****VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỦI RO TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN BẰNG  
PHƯƠNG PHÁP HẦM LÒ***Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2025;**Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;**Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về lập và phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản;**Xét đề nghị của...<sup>(2)</sup>..... về việc phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò;**Theo đề nghị của .....<sup>(4)</sup>.....,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò cho .....<sup>(5)</sup>.....của ...<sup>(2)</sup>..... ..<sup>(6)</sup>.....**Điều 2.** ...<sup>(2)</sup>.....phải thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch quản lý rủi ro được phê duyệt.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký......<sup>(7)</sup>....., Tổng Giám đốc/Giám đốc ...<sup>(2)</sup>..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- .....<sup>(9)</sup>.....

- Lưu: .....

.....<sup>(8)</sup>.....

(Chữ ký, dấu)

**Nguyễn Văn A****Chú thích:**<sup>(1)</sup> Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Ví dụ: UBND tỉnh hoặc Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương);<sup>(2)</sup> Tên tổ chức, doanh nghiệp (Ví dụ: Công ty A);<sup>(3)</sup> Địa danh, nơi đặt trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp;<sup>(4)</sup> Tên đơn vị chức năng của cơ quan có thẩm quyền;<sup>(5)</sup> Dự án;<sup>(6)</sup> Trong giai đoạn trước khi thi công/trước khi đưa công trình hầm lò vào sử dụng;<sup>(7)</sup> Ghi đối tượng có liên quan.<sup>(8)</sup> Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.<sup>(9)</sup> UBND tỉnh hoặc Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương (cấp tỉnh phê duyệt thì gửi Quyết định cho Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương biết và ngược lại).